UỶ BAN NHÂN DÂN
Thành phố Hải Phòng

Số: 207-QĐ/UB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

Hải phòng, ngày 29 tháng 3 năm 1994

QUYẾT ĐỊNH

Vv phân loại đường phố và mức giá chuyển quyền sử dụng đất tại nội thành thành phố Hải Phòng.

---&---

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Uỷ ban Nhân dân;

- Căn cứ Nghị định số 80/CP ngày 6/11/1993 của Chính phủ qui định khung giá các loại đất khi giao đất;

- Xét đề nghị của Liên Sở Xây dựng-Tài chính tại tờ trình số 04/TC-XD ngày 8/3/1994.

QUYẾT ĐỊNH

Điều I:- Ban hành qui định về phân loại đường phố và mức giá chuyển quyền sử dụng đất tại nội thành thành phố Hải Phòng *(có bản qui định kèm theo)*.

Điều II:- a/ Bản Qui định trên làm cơ sở cho các công việc sau:

- Tính toán giá trị đất khi chuyển quyền sử dụng đất *(kể cả đất trong khuôn viên của nhà)*, giao đất, hợp thức hoá quyền sử dụng đất, hoá giá nhà thuộc sở hữu Nhà nước.

- Tính thuế mua bán, chuyển đổi bất động sản, thuế sử dụng đất và giá thuê nhà Nhà nước quản lý.

b/ Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, các văn bản trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

c/ Khi mặt bằng giá đất thị trường tăng hoặc giảm 20% so với qui định trên và các đường phố thay đổi loại do cơ sở hạ tầng của đường được nâng cấp thì Liên Sở Tài chính-Xây dựng có trách nhiệm trình Uỷ ban Nhân dân thành phố điều chỉnh cho phù hợp.

Điều III:- Giao Sở Tài chính và Xây dựng hướng dẫn thi hành.

Điều IV:- Các Ông, Bà Chánh Văn phòng Uỷ ban Nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Xây dựng, Ban Quản lý Đất đai, Cục thuế, Chủ tịch UBND 3 quận nội thành và thủ trưởng các ngành, cấp, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận
- *TTTU, TTHĐND*)để
- *Bộ XD, Bộ TC*)b/c
- *CT và các PCT.UBND/TP,*
- *Như điều IV,*
- *VP.TU,Ban KTTU,LĐLĐ/TP*
- *Đài PT-TH, Báo HP,*
- *CPVP, các tổ CV, Lưu VP.*

T/M UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KT/ chủ tịch

Phó Chủ tịch
Đỗ Gia Phách

ỦY BAN NHÂN DÂN
Thành phố Hải Phòng
-.-

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

V/v phân loại đường phố theo vị trí và mức giá chuẩn chuyển quyền sử dụng đất tại nội thành thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 207-QĐ/UB ngày 29 tháng 3 năm 1994 của UBND thành phố Hải Phòng)

Tên đường phố	Mức giá chuẩn	Phân đoạn
VỊ TRÍ SỐ 1		
+ Vị trí 1A	6.300.000đ	
1- Cầu Đất		
2- Quang Trung		
3- Hoàng Văn Thụ		
4- Lãn Ông		- Từ Quang Trung đến Điện Biên
5- Nguyễn Đức Cảnh		
6- Tô Hiệu		- Từ Cầu Đất đến Mê Linh
		- Từ Cầu Đất đến Mê Linh
+ Vị trí 1B	5.600.000đ	
1- Trần Hưng Đạo		- Từ Đinh Tiên Hoàng đến Minh Khai
2- Nguyễn Thái Học		
3- Phan Bội Châu		- Từ Lãn Ông đến Chợ Sắt
4- Lương Khánh Thiện		- Từ Cầu Đất đến cửa Ga Hải Phòng
5- Lê Lợi		- Từ Cầu Đất đến Chu Văn An
6- Nguyễn Đức Cảnh		- Từ Mê Linh đến chân dốc cầu Quay
7- Trần Phú		- Từ Cầu Đất đến Cảng
8- Điện Biên Phủ		
9- Tô Hiệu		- Từ Mê Linh đến An Dương
VỊ TRÍ SỐ 2	5.000.000đ	
1- Trần Nguyên Hãn		- Từ Đường tàu đến cống Trần Nguyên Hãn
2- Mê Linh		

3- Lạch Tray			- Từ Thành đội đến Đường bao
4- Cát Dài			- Từ Cầu Đất đến Mê Linh
5- Đinh Tiên Hoàng			- Từ Nhà hát lớn đến Điện Biên
6- Trần Quang Khải			- Từ Đinh Tiên Hoàng đến Tam Bạc
VỊ TRÍ SỐ 3	4.000.000đ00		
1- Phan Bội Châu			- Từ Hoàng Văn Thụ đến Lãn Ông
2- Kỳ Con			
3- Trạng Trình			
4- Hoàng Ngân			
5- Tôn Thất Thuyết			
6- Tôn Đức Thắng			Từ ngã tư An Dương- Trường Nguyễn Bá Ngọc
7- Minh Khai			
8- Trần Hưng Đạo			Từ Minh Khai đến Cống Cảng
9- Bến Bính			
10- Củ Chính Lan			
11- Trần Nguyên Hãn			Từ Nguyễn Đức Cảnh đến đường tàu
			Từ Cống Trần Nguyên Hãn đến ngã 3 Đôn Niệm
12- Lạch Tray			Từ đường Bao đến Cầu Rào
13- Cát Dài			Mê Linh đến Cát Cụt
14- Lê Lợi			Từ Chu Văn An đến ngã 5
15- Lí Thường Kiệt			Từ Điện Biên đến ngã 4 Lãn Ông
16- Lương Khánh Thiện			Từ cửa ga đến ngã 6
17- Cát Cụt			
18- Trần Quang Khải			Từ Đinh Tiên Hoàng đến vườn hoa/
19- Hồ Sen			Từ Tô Hiệu - đầu Hồ Sen /chèo
20- Phạm Hồng Thái			
21- Hoàng Văn Thụ			Từ Điện Biên đến Nguyễn Tri Phương
22- Hồ Xuân Hương			
23- Lê Đại Hành			
24- Đinh Tiên Hoàng			Từ Bảo tàng- Nguyễn Tri Phương
25- Đà Nẵng			Từ ngã 6 đến số 72(ngõ Lạc Xuân Đài)
26- Lý Tử Trọng			
27- Nguyễn Tri Phương			
28- Hoàng Diệu			
29- Nguyễn Khuyến			
30- Hồng Kênh			Từ Tô Hiệu đến Chợ Con

Ngõ Trung tâm	550.000	
VỊ TRÍ SỐ 4	**3.100.000đ00**	
1- Phạm Minh Đức		
2- Nguyễn Thượng Hiền		
3- Trần Nhật Duật		
4- Hàng Kênh		Từ Chợ con đến Đình Đông
5- Bạch Đằng		
6- Lý Thường Kiệt		Từ ngã 4 Lãn ông đến ngã 4 Tôn Thất Thuyết
7- Trần Bình Trọng		
8- Kỳ Đồng		
9- Phạm Bá Trực		
10- Đà Nẵng		Từ ngõ Lạc Xuân Đài đến Cầu Tre
11- Phạm Ngũ Lão		
12- Cát Dài		Từ Cát Cụt đến Trần Nguyên Hãn
13- Lê Chân		
14- Chùa Hàng		Từ Tô Hiệu đến ngã 3 Dư Hàng
15- Trần Nguyên Hãn		Từ ngã 3 niệm đến Cầu Niệm
16- Phan Chu Trinh		
VỊ TRÍ SỐ 5	**2.500.000đ00**	
1- Chợ Con		Từ Hàng Kênh đến số 22
2- Tôn Đức Thắng		Từ Nguyễn Bá Ngọc-Cầu An Dương
3- Lương Văn Can		
4- Võ Thị Sáu		
5- Chu Văn An		Từ Lê Lợi đến số 65 và ngã 3 bên số chẵn
6- Dư Hàng		
7- Hồ Sen		Từ đầu hồ Sen đến hết phố
8- Tôn Đản		
9- Tam Bạc		
10- Lê Lai		Từ ngã 5 đến đường tầu
11- Nguyễn Đức Cảnh		Từ đoạn chân dốc cầu đến gầm cầu
12- Nguyễn Trãi		Từ ngã 5 đến Trần Khánh Dư
13- An Dà		Từ Lạch Tray đến Cổng n/máy nhựa

VỊ TRÍ SỐ 6	1.900.000đ	
1- Đà Nẵng		Từ Cầu tre đến đường vòng Vạn mĩ
2- Chợ Con		Từ số 24 đến hết phố
3- Phố Đức Chính		
4- Đội Cấn		
5- Lý Thường Kiệt		Từ ngã tư Tôn Thất Thuyết đến Nguyễn Thái Học
6- Lá Bè		Từ cầu quay đến chân cầu An Dương
7- An Đà		Từ cổng nhà máy nhựa đến Cống
8- Ngô Gia Tự		Từ Cầu Rào đến XNTC Cơ giới CT16 (khoảng cách cầu rào 500m)
9- Nguyễn Bỉnh Khiêm		Lạch Tray đến Cống Kiều Sơn
10- Chùa Hàng		
11- Đường Hà Nội		Từ chân cầu XM đến ngã 3 ThượngLý
Ngõ cận trung tâm	400.000đ	
VỊ TRÍ SỐ 7:		
Số 7A:	1.300.000đ00	
1- Đà Nẵng		Từ đường vòng Vạn mĩ đến hết
2- Lê Lai		Từ đường tầu đến hết dãy phố
3- Trần Khánh Dư		
4- Đường mới		Từ chân cầu quay đến ngã 3 Thượng Lý
5- Đình Đông		
6- Thiên Lôi		Từ ngã 3 Trần Nguyên Hãn đến XN thi công cơ giới CTy 16
7- Phạm Phú Thứ		
8- Hạ Lý		
9- Tôn Đức Thắng		Bên kia cầu An Dương-ngã 4 Ắc quy
10- Ngô Gia Tự		Từ XN TCông cơ giới đến ngã 3 trại Gà
11- Nguyễn Trãi		Từ Trần Khánh Dư đến hết
12- Đường chợ hàng		Bốt tròn đến chợ Hàng cũ
13- Đường Nguyễn Công Trứ		

+ 7B	800.000đ	
1- Cầu Cáp		
2- Nguyễn Hồng		
4- Ngõ Cấm		
5- An Đà		Từ Cống đến hết
6- Dư Hàng Kênh		Từ chợ Hàng cũ đến quán sỏi
7- Máy Tơ		
8- Ngô Quyền		Từ máy chai đến ngã 3 Đoạn xá
9- Lán Bè		Từ cầu An Dương - Cầu Niệm
10- Lam Sơn		
11- Tôn Đức Thắng		Từ ngã 4 Ác qui đến ngã 3 Sở Dầu
12- Đường Hà Nội		Từ ngã 3 Thượng Lý đến ngã 3 Sở Dầu
13- Đường Cát Bi		
14- Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm		Phía trên Cống Kiều Sơn
15- Đường vòng Vạn Mỹ		
16- Đường Chợ Hàng mới		
VỊ TRÍ SỐ 8:	550.000đ00	
- Ngô Gia Tự		Ngã 3 trại gà đến chợ Sâm Bồ
- Đường Đông Khê		
Ngõ ven nội	250.000đ00	
VỊ TRÍ SỐ 9:		
+ 9A:	230.000đ00	
- Khu tập thể LâmTường		
- - Đồng Tâm		
- - Đồng Quốc Bình		
- - An Dương		
+ 9B:	150.000đ00	
- Khu tập thểĐồng Bún		
- - Dư Hàng		
- - Vạn Mỹ		
- - Thái Phiên		
- - Hồ Thiên Nga		
- - Đầm Láo		

VỊ TRÍ SỐ 10	80.000đ00	
- Khu tập thể Cát Bi		
- - An Đà		
- - Trục Chuối		
- - Quán Toan		
- - Thượng Lý		
- - Sở Dầu		

II.- Phân loại ngõ:

- Đối với các ngõ trong nội thành phân loại theo khu vực trung tâm, cận trung tâm, ven nội.

- Nhà hát lớn thành phố: là điểm trung tâm đô thị.

1- Khu vực trung tâm:

- Là các đường phố được phân loại từ vị trí số 1 đến vị trí số 3 và các đường phố và ngõ nằm trong giới hạn các điểm sau : Chợ sắt - Bến Bính - Cống Cảng chính - ngã 5 - Thành đội - Ngã 4 An Dương - Đập tam kì.

2- Khu vực cận trung tâm:

- Là những đường phố từ vị trí số 4 đến số 6 (Trừ những đường phố đã qui định thuộc khu vực trung tâm nêu trên).

3- Khu vực ven nội: Là những đường phố từ vị trí số 7 đến vị trí số 10.

Ngoài những đường phố và khu tập thể đã phân loại, nếu còn lại khu vực hoặc đường phố nào chưa có trong danh mục nêu trên, giao cho Sở Xây dựng và Sở Tài chính bổ sung cho phù hợp với vị trí tương ứng ./.

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
Thành phố Hải Phòng
=§=

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

V/v phân loại đường phố theo vị trí và mức giá chuẩn chuyển quyền sử dụng đất tại nội thành thành phố Hải Phòng.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 207-QĐ/UB ngày 29 tháng 3 năm 1994 của UBND thành phố Hải Phòng).

---&---

Tên đường phố	Mức giá chuẩn	Phân đoạn
VỊ TRÍ SỐ 1		
+ Vị trí 1A	6.300.000 đồng	
1- Cầu Đất		
2- Quang Trung		
3- Hoàng Văn Thụ		- Từ Quang Trung đến Điện Biên
4- Lãn Ông		
5- Nguyễn Đức Cảnh		- Từ Cầu Đất đến Mê Linh
6- Tô Hiệu		- Từ Cầu Đất đến Mê Linh
+ Vị trí 1B	5.600.000 đồng	
1- Trần Hưng Đạo		- Từ Đinh Tiên Hoàng đến Minh Khai
2- Nguyễn Thái Học		
3- Phan Bội Châu		- Từ Lãn Ông đến Chợ Sắt
4- Lương Khánh Thiện		- Từ Cầu Đất đến cửa Ga Hải Phòng
5- Lê Lợi		- Từ Cầu Đất đến Chu Văn An
6- Nguyễn Đức Cảnh		- Từ Mê Linh đến chân đốc cầu Quay
7- Trần Phú		- Từ Cầu Đất đến Cảng
8- Điện Biên Phủ		
9- Tô Hiệu		- Từ Mê Linh đến An Dương
VỊ TRÍ SỐ 2	5.000.000 đồng	
1- Trần Nguyên Hãn		- Từ Đường tàu đến cống Trần Nguyên Hãn
2- Mê Linh		
3- Lạch Tray		- Từ Thành đội đến Đường bao
4- Cát Dài		- Từ Cầu Đất đến Mê Linh
5- Đinh Tiên Hoàng		- Từ Nhà hát lớn đến Điện Biên
6- Trần Quang Khải		- Từ Đinh Tiên Hoàng đến Tam Bạc